TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57 /2023/KDTM-ST
Ngày: 31-05 -2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Lý
2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa *: Bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên*.

Ngày 31 tháng 05 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 151/2022/TLST-KDTM ngày 02/12/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2023/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 04 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 333/2023/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH xây dựng giao thông A

Địa chỉ: đường V, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Quốc B

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T – sinh năm 1999 (Có mặt)

Địa chỉ: đường V, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền: số 0111/UQ-HA ngày 01/11/2022.

Bị đơn: Công ty TNHH thương mại xây dựng giao thông H
Địa chỉ: đường P, thị trấn B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật : Bà Huỳnh Thị Bé B (Vắng mặt)
Địa chỉ: N, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng giao thông A (Gọi tắt Công ty A) do bà Nguyễn Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 10/02/2020 Công ty A và Công ty TNHH thương mại xây dựng giao thông H (Gọi tắt công ty H) có ký hợp đồng mua bán bê tông nhựa nóng, Hợp đồng số 20.25/HĐMB và phụ lục Hợp đồng ngày 15/3/2020. Hai bên thỏa thuận mua bán hàng hóa là bê tông nhựa nóng . Địa điểm thực hiện giao hàng hóa là do Công ty H chỉ định giao tại dự án "*công trình chùa cô đơn, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh".* Giá trị hợp đồng tạm tính là 1.316.500.000 đồng. Phương thức thanh toán: Ngay sau ký hợp đồng Công ty H phải tạm ứng 90% giá trị hợp đồng. Sau khi giao hàng xong hai bên tiến hành đối chiếu công nợ và xác nhận khối lượng hàng hóa đã nhận. Công ty A xuất hóa đơn tài chính trên khối lượng đã đối chiếu. Công ty H phải thanh toán số tiền còn lại trong vòng 15 ngày kể từ ngày giao xong đơn hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A đã giao hàng hóa là bê tông nhựa nóng cho Công ty H với tổng cộng số tiền là 1.321.834.600 đồng. Số tiền này được Công ty A xuất hóa đơn tài chính cho Công ty H. Hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ ngày 31/03/2020. Công ty H đã thanh toán cho Công ty A nhiều đợt với số tiền là 1.142.773.997 đồng. Công ty H còn nợ Công ty A số tiền là 179.060.603 đồng. Mặc dù Công ty A nhiều lần gửi văn bản nhắc nợ nhưng Công ty H vẫn chưa thanh toán.

Do Công ty H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ. Công ty A yêu cầu Công ty H thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm. Số tiền lãi mà Công ty H phải thanh toán là 53.718.200 đồng (tiền lãi này tính từ ngày 11/5/2020 đến ngày 31/05/2023 là 36 tháng).

Công ty A yêu cầu Công ty H phải thanh toán tổng số tiền là 232.778.800 đồng (trong đó 179.060.603 đồng tiền gốc và 53.718.200 đồng tiền lãi)**,** thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Công ty TNHH thương mại xây dựng giao thông H (Gọi tắt Công ty H) có người đại diện theo theo pháp luật là bà Huỳnh Thị Bé B nhưng Công ty H vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Căn cứ Hợp đồng mua bán bê tông nhựa nóng giữa Công ty A và Công ty H giao kết ngày 10/02/2020. Các bên thỏa thuận nếu có tranh chấp xảy ra, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là nơi Công ty A có trụ sở chính. Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0304686454, đăng ký lần đầu ngày 01/11/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 31/10/2013 của Công ty A có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận P.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị Hội đồng xét xử cần rút kinh nghiệm.

Về người tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ: Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty A khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty H thanh toán tiền mua hàng hóa còn thiếu là: 232.778.800 đồng (trong đó 179.060.603 đồng tiền gốc và 53.718.200 đồng tiền lãi)**.**

Công ty A yêu cầu Công ty H thanh toán một lần số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy Công ty A và Công ty H đã tiến hành đối chiếu công nợ từ năm 2020, xác định số nợ Công ty H phải thanh toán. Công ty H đã thanh toán được nhiều đợt tiền nhưng vẫn chưa dứt nợ. Căn cứ Điều 34, Điều 42, Điều 50 Luật thương mại đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty A về việc buộc Công ty H phải trả ngay số tiền còn thiếu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa. Công ty A và Công ty H cùng thỏa thuận tòa án giải quyết tranh chấp là nơi có trụ sở đăng ký kinh doanh của Công ty

A. Công ty A có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận P nên Toà án nhân dân quận P thụ lý giải quyết vụ án theo qui định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng:

Xét, bị đơn Công ty H (Do bà Huỳnh Thị Bé B là người đại diện theo pháp luật) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn Công ty H không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp chứng cứ. Công ty H(do bà Huỳnh Thị Bé B là người đại diện theo pháp luật) đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn Công ty A để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, nguyên đơn Công ty A yêu cầu Công ty H thanh toán tiền mua hàng hóa còn nợ là 179.060.603đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Hợp đồng mua bán bê tông nhựa nóng số 20.25/HĐMB ký ngày 10/02/2020 và lục Hợp đồng số 01 ký ngày 15/03/2020 giữa Công ty A và Công ty H. Hai bên thỏa thuận hàng hóa mua bán là bê tông nhựa nóng. Công ty A giao nhựa đường nóng tại công trình dự án do Công ty H chỉ định. Công ty A đã giao hàng hóa là bê tông nhựa nóng hoàn thành nghĩa vụ của theo hợp đồng. Công ty H đã xác nhận số lượng hàng hóa và tiến hành đối chiếu công nợ ngày 31/03/2020. Đồng thời Công ty A xuất hóa đơn tài chính đối với số lượng hàng hóa đã giao. Tuy nhiên Công ty H chỉ thanh toán được một phần đối với công nợ đã đối chiếu. Số tiền còn lại là 179.060.603 đồng Công ty H vẫn chưa thanh toán. Căn cứ Điều 34, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại yêu cầu của Công ty A là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, nguyên đơn Công ty A yêu cầu Công ty H thanh toán tiền nợ lãi do chậm thanh toán tiền gốc, mức lãi suất là 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 11/5/2020 đến ngày 31/05/2023 là 36 tháng, cụ thể:

179.060.603 đồng x 10%/năm x 36 tháng = 53.718.200 đồng

Hội đồng xét xử xét thấy, Công ty H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên phải chịu lãi suất chậm trả trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Căn cứ mức lãi suất quá hạn của 3 ngân hàng: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 15.75%/năm; Ngân hàng TMCP Á Châu là 19%/năm; Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam là 17.85%/năm.

Xét thấy Công ty A yêu cầu mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với lãi suất trung bình của 3 ngân hàng tại thời điểm Tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn

cứ Điều 306 của Luật thương mại, yêu cầu của nguyên đơn công ty A là có lợi cho Công ty H nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]Về thời hạn thanh toán:

Xét, nguyên đơn Công ty A yêu cầu Công ty H thanh toán một lần số tiền 232.778.800 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng mua bán hàng hóa và phụ lục hợp đồng, các bên thỏa thuận thanh toán trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày giao xong đơn hàng. Công ty A đã giao đầy đủ hàng hóa theo hợp đồng, hai bên đối chiếu xong số lượng hàng hóa giao nhận. Công ty A xuất hóa đơn tài chính đối với số lượng hàng hóa đã giao cho Công ty H nhưng Công ty H vẫn chưa thanh toán dứt điểm số tiền nợ mua hàng còn thiếu, là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty A. Căn cứ Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại, yêu cầu của Công ty A là có cơ sở để chấp nhận.

[5]Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Công ty A được chấp nhận nên Công ty H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật trên số tiền phải thanh toán là: 232.778.800 đồng x 5% = 11.639.000đồng

Hoàn lại số tiền tạm nộp án phí cho Công ty A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 306 Luật thương mại ;
- Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 34, Điều 42, Điều 50, Điều 55 Luật thương mại;
- Điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng giao thông A.

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xây dựng giao thông H phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng giao thông A số tiền là 232.778.800 đồng (Hai trăm ba mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm đồng), trong đó nợ gốc 179.060.603 đồng, nợ lãi 53.718.200 đồng.

Thời hạn thi hành: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng giao thông A có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xây dựng giao thông H chưa thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 11.639.000đồng (mười một triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn đồng) Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xây dựng giao thông H chịu.

Hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng giao thông A số tiền 5.049.852đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm năm mươi hai đồng) theo biên lai thu số 0036780 ngày 02/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận P.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.P ;
- Chi cục THA DS Q.P ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương